

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 26/3/2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Bách.

2. Ông Cao Trường Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2024/TLST - HNGĐ, ngày 13/11/2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX ST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 59/TB-TA ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. (Ngày 05/3/2025 có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai tại Tòa án chị Hà Thị L trình bày: Chị và anh Hà Văn H tự nguyện kết hôn ngày 21/11/2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm xa tại tỉnh Hải Dương, chung sống hòa thuận được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, ngoài ra anh H có lần đánh chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị L xác

định tình cảm vợ chồng không còn chi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Hà Văn H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hà Văn H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 08/01/2025 trưởng thôn bản Hóc, xã Đ ông Trịnh Quang H1 cho biết: Anh H, chị L có đăng ký kết hôn và là vợ chồng hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương đều là lao động tự do. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông biết là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Anh chị L, H hiện tại đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị L không ở tại địa phương nữa, đi đâu, làm gì thì ông không rõ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Chị L cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao trích lục kết hôn giữa chị L, anh H; Bản sao chứng thực Căn cước công dân của Hà Thị L; Bản phô tô Căn cước công dân của Hà Văn H; Xác nhận thông tin về cư trú đối với Hà Thị L, Hà Văn H; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của Hà Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Hà Thị L vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Văn H vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Hà Thị L và anh Hà Văn H. Về luật nội dung căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị L: Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Hà Văn H. Về con chung: Chị L, anh H không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị Hà Thị L phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết:*

Bị đơn anh Hà Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý

giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa chị Hà Thị L vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hà Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với Nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Hà Thị L và anh Hà Văn H.

[3] *Về Quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị L và anh Hà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 21/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị L trình bày giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy từ khoảng tháng 2 năm 2023 chị L và anh H đã không còn chung sống cùng nhau, khi chị L suy nghĩ đến việc ly hôn, anh H không có hành động nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Vợ chồng L, H đã sống ly thân từ đó đến nay, từ khi ly thân đến nay chị L và anh H không còn quan tâm đến nhau nữa. Nghĩa vụ của vợ chồng là sống chung với nhau tuy nhiên chị L, anh H đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau cho thấy hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về con chung*: Chị Hà Thị L và anh Hà Văn H không có con chung.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7]. Chị Hà Thị L và anh Hà Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 ; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Chị Hà Thị L và anh Hà Văn H không có con chung.

3. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2024/0000860 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị L, anh Hà Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện V;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Ngọc Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Linh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Bản án số: /2023/HNGĐ - ST

Ngày:/...../2023

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc L1 .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Thúy N.

2. Bà Phạm Thị Hồng Đ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc L1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa : Ông Lưu Thượng T - Kiểm sát viên.

Ngày Tháng.... năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2023/TLST - HNGĐ, ngày 27/9/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: /2023/QĐST - HNGĐ ngày..... tháng.... năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số:....../2023/TB-TA ngày...tháng... năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L , sinh năm 1995 .

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn H , sinh năm 1992 .

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Lương Thị Q bày: Chị và anh Hà Văn H tự nguyện kết hôn ngày 10/11/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện V. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà riêng thuộc bản Hán, xã T , huyện V. Đến tháng 12/2010 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra anh H thường xuyên uống rượu có hành vi đánh chị ngay cả khi không rõ lý do, khoảng cuối năm 2017 anh H có đánh chị khiến chị phải nằm viện, nhưng sau đó được sự đồng viên của ban hòa giải thôn bản, anh H đã cam

đoạn không tiếp tục đánh chị nên chị đã tha thứ quay về tiếp tục chung sống với anh H . Nhưng anh H cũng chỉ sửa chữa được một thời gian ngắn, sau đó lại tái diễn việc đánh chị, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Đến ngày 15/9/2023 chị bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H .

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Hà Văn H trình bày: Việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa Chị L và anh đúng như Chị L đã trình bày, thời điểm phát sinh mâu thuẫn theo anh H từ khoảng cuối năm 2017, nguyên nhân do mâu thuẫn trong sinh hoạt nên vợ chồng có cãi nhau, anh có đánh Chị L một cái, sau đó do không cẩn thận Chị L ngã đập vào bể nước sau đó phải đi viện điều trị. Sau sự việc đó anh đã cam đoan sẽ không đánh Chị L nữa, vợ chồng chung sống hòa thuận đến ngày 01/10/2023 do trực trực vấn đề tài chính Chị L đã tự ý bỏ đi làm, không được sự đồng ý từ anh. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, Chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Chị L và anh H khai thống nhất có 01 con chung là Vì Thị N1, sinh ngày 02/4/2008. Tại biên bản hòa giải Chị L và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung; tại phiên tòa Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Chị L cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh H Chị L ; Bản sao chứng thực Giấy khai sinh của Vì Thị N1; 01 Đơn xin xác nhận và 01 Đơn xin cấp Giấy Chứng minh nhân dân của Hà Thị L ; Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Hà Văn H và Giấy xác nhận mức thu nhập của Hà Thị L .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị Q1 cho chị Lương Thị Q2 ly hôn với anh Hà Văn H . Về con chung căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Vì Thị N1, sinh ngày 02/4/2008 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Lường Thị Q3 bị đơn anh Hà Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường Thị Q3 anh Hà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 10/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh H có tính tình nóng nảy, khi vợ chồng cãi nhau đã đánh Chị L nhiều lần. Từ đầu tháng 10/2023 Chị L đã bỏ đi không còn ở nhà của anh chị tại bản Hán, xã T, huyện V nữa, vợ chồng Thanh S đã sống ly thân từ đó đến nay, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, từ khi ly thân đến nay Chị L và anh H không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy anh H chưa nhận thức đầy đủ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nghĩa vụ vợ chồng là thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị L và anh H là vợ chồng nhưng không chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau là đã vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị Q4 phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Giữa Chị L và anh H có một con chung là Vì Thị N1, sinh ngày 02/4/2008. Tại biên bản hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung, các bên đều nhận được nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay Chị L có việc làm và thu nhập tương đối ổn định để đảm bảo cho việc nuôi con, ngoài ra theo biên bản lấy lời khai của cháu Vì Thị N1, cháu N1 có nguyện vọng ở với Chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị L. Giao cho Chị L được trực tiếp nuôi con chung Vì Thị N1; do Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*:

Chị Lương Thị Q5 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Q2 ly hôn anh Hà Văn H .

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị Quýtrực T1 nuôi con chung Vì Thị N1, sinh ngày 02/4/2008. Anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị Q5 chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0003939 ngày 27/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị L , anh Hà Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái; **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự; UBND xã Tân Thịnh ;
- Lưu HS.

Hoàng Ngọc Linh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi....giờ.....phút, ngày....tháng.....năm 2023.

Tại: Phòng nghị án- Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Thúy Nga và bà Phạm Thị Hồng Điệp.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 358/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Lý , sinh năm 1995 .

Địa chỉ: Thôn bản Hốc, xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Hà Văn Hình , sinh năm 1992 .

Địa chỉ: Thôn bản Hốc, xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Về Điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3. Ý kiến khác: Không.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Quý được ly hôn anh Hà Văn Hình .

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3. Ý kiến khác: Không.

- Về con chung: Giao cho chị Lường Thị Quý trực tiếp nuôi con chung Vì Thị Nguyệt, sinh ngày 02/4/2008. Anh Hà Văn Hình không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3. Ý kiến khác: Không.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Lường Thị Quý phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về Hôn nhân gia đình.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3. Ý kiến khác: Không.

- Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị Quý có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hà Văn Hình có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3. Ý kiến khác: Không.

Nghị án kết thúc vào hồi ...giờ...phút, ngày....tháng...năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA